TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ N** **TỈNH QUẢNG N**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20-11-2019
V/v không công nhận vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ N, TỈNH QUẢNG N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Khôi.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Thu Thủy.
2. Ông Lê Văn Nguyên.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú N, tỉnh Quảng N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú N, tỉnh Quảng N *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú N, tỉnh Quảng N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 191/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019 về "Không công nhận vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Minh Th, sinh năm 1970, địa chỉ: Khối phố Thạnh Đức, thị trấn Phú Th, huyện Phú N, tỉnh Quảng N, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1966, địa chỉ: Khối phố Thạnh Đức, thị trấn Phú Th, huyện Phú N, tỉnh Quảng N, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Minh Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Bùi Văn T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1989 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông T thường xuyên uống rượu say xỉn, tìm cớ gây gổ, đánh đập bà nhiều lần. Bà đã cố gắng chịu đựng để giữ hạnh phúc và vì thương các con nên bà Th đã nhiều lần tạo điều kiện, khuyên can để chung sống hòa thuận, lo cho các con nhưng ông T vẫn chứng nào tật nấy, không thay đổi. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận

quan hệ vợ chồng giữa bà và ông T để bà được tự do, không bị ông T ràng buộc, đánh đập.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống có với nhau 02 người con chung tên là Bùi Văn Y, sinh ngày 12-5-1989 và Bùi Văn Ngọc, sinh ngày 10-6-1993; các con nay đã trưởng thành, đều khỏe mạnh nên bà không có yêu cầu gì về phần con chung.

Về chia tài sản chung: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Th khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 26-9-2019 ông Bùi Văn T trình bày: Ông và bà Lê Thị Minh Th chung sống từ năm 1989, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bà Th hay đi chơi về khuya, ông nói không nghe nên ông T có nóng giận, đập đồ đạc trong nhà. Ông T cho rằng giữa ông bà không có mâu thuẫn gì trầm trọng nên không thống nhất ly hôn.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống có với nhau 02 người con chung tên là Bùi Văn Y, sinh năm 1989 và Bùi Văn Ngọc, sinh năm 1993; các con nay đã trưởng thành nên ông không có yêu cầu gì về phần con chung.

Về chia tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ông T vắng mặt. Do đó, không ghi nhận được lời trình bày cũng như yêu cầu gì thêm từ ông Bùi Văn T.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú N tham gia phiên tòa: Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật, tham gia buổi Kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng sau đó không ký tên mà tự ý bỏ về, vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Minh Th: theo đó tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Th và ông T. Về con chung, tài sản chung: các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Bùi Văn T đã được Tòa án nhân dân huyện Phú N triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228

Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Bùi Văn T. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú N, tỉnh Quảng N.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị Minh Th và ông Bùi Văn T tự nguyện tìm hiểu đến với nhau vào năm 1989 và sống chung như vợ chồng với nhau từ đó đến nay. Tuy nhiên, hai bên đã không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kết hôn theo quy định. Theo các văn bản số 154/UBND ngày 06-9-2019 của UBND xã Tam Vinh và Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 40/UBND-XNTTHN ngày 17-9-2019 của UBND thị trấn Phú Th, huyện Phú N là những nơi bà Th, ông T đã sinh sống đều xác nhận bà Th, ông T sống chung như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn. Tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc kết hôn mà không đăng ký thì không có giá trị pháp lý. Như vậy quan hệ giữa bà Lê Thị Minh Th và ông Bùi Văn T không phải là quan hệ vợ chồng. Tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ Tư pháp quy định: *"Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật Hôn nhân và gia đình"*. Như vậy, với yêu cầu không công nhận vợ chồng của bà Th với ông T, Hội đồng xét xử thấy bà Th, ông T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Th với ông T là đúng quy định của pháp luật.

- Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, bà Th và ông T có với nhau 02 con chung là Bùi Văn Y, sinh ngày 12-5-1989 và Bùi Văn Ngọc, sinh ngày 10-6-1993; Các con đã đủ tuổi thành niên và đều khỏe mạnh, bà Th, ông T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà Th, ông T đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Bà Lê Thị Minh Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các điều 28, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 20-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Minh Th.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Lê Thị Minh Th và ông Bùi Văn T là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Các con đã đủ tuổi thành niên và đều khỏe mạnh, bà Th và ông T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về chia tài sản, nợ chung: Bà Th, ông T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Minh Th phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003710 ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú N, tỉnh Quảng N. Bà Th đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20-11-2019). Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã thị trấn Phú Th;
- VKSND huyện Phú N;
- TAND tỉnh QN;
- Chi cục THADS PN;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Văn Khôi